

Số: **221** /BC-UBND

*Quảng Trị, ngày 20 tháng 11 năm 2019*

**BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2019  
VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM  
QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2020**

**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2019**

Quán triệt phương châm của Chính phủ là “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả” và chủ đề năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy là “Trách nhiệm, kỷ cương, tăng tốc phát triển”, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã xây dựng các chương trình hành động, kế hoạch hành động để tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết 01/NQ-CP và Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ; Kết luận số 88-KL/TU ngày 19/7/2018 và Kết luận số 137-KL/TU ngày 30/11/2018 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019<sup>1</sup>.

Bên cạnh đó, với tính chất quan trọng của năm then chốt để thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, lãnh đạo tỉnh đã triển khai thực hiện chủ trương “*Ngày thứ 7 vì nông thôn mới và "Ngày thứ 7 vì các dự án động lực"*”; chọn 30 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 111.320 tỷ đồng từ nguồn vốn ngoài nhà nước để tổ chức khởi công thiết thực chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày lập lại tỉnh. Với sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương Đảng và Chính phủ, sự nỗ lực phấn đấu và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận và hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đã đạt được những kết quả phân khởi. Dự kiến hoàn thành toàn bộ 24/24 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đã đề ra, trong đó có 10 chỉ tiêu vượt kế hoạch. Đây là năm thứ ba liên tiếp, tỉnh thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu; là lần đầu tiên sau 7 năm, tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt trên 7,52%. Kết quả này thể hiện nỗ lực, cố gắng rất lớn của các cấp, các ngành trong bối cảnh khu vực nông nghiệp chịu ảnh hưởng

---

<sup>1</sup> Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 ban hành KHHĐ của UBND tỉnh thực hiện Kết luận số 88-KL/TU ngày 19/7/2018 của Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI trong nửa đầu nhiệm kỳ 2015-2020; Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 ban hành CTHĐ của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ; Kết luận số 88-KL/TU ngày 19/7/2018 và Kết luận số 137-KL/TU ngày 30/11/2018 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Chương trình hành động số 391/CTHĐ-UBND ngày 25/01/2019 thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ.

bất lợi của dịch bệnh, nắng nóng, hạn hán; khu vực dịch vụ tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, mức tăng trưởng còn thấp.

## I. VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ

### 1. Về tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát

#### 1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tỉnh đã tiếp tục nỗ lực cơ cấu lại nền kinh tế; khơi thông các nguồn lực; thúc đẩy đầu tư xã hội, khuyến khích mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng. Dự báo tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2019 (GSS2010) đạt 20.967 tỷ đồng, tăng 7,52% so với năm 2018, đạt kế hoạch đề ra; trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4.084 tỷ đồng, tăng 4%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 5.169 tỷ đồng, tăng 11,8%; khu vực dịch vụ đạt 10.899 tỷ đồng, tăng 7,02%. GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 48,1 triệu đồng, đạt kế hoạch đề ra<sup>2</sup>.

#### 1.2. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng đầu năm 2019 chỉ tăng 1,84%, thấp hơn nhiều so với mức tăng của cùng kỳ năm 2018 (2,41%); ước tính cả năm 2019 tăng 2%, thấp hơn mức tăng bình quân của cả nước (dưới 3%). Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tăng nhẹ so với năm 2018<sup>3</sup>.

#### 1.3. Lĩnh vực ngân hàng

Tỉnh đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt thị trường tài chính, tiền tệ và tỷ giá. Tiếp tục triển khai có hiệu quả nhiều Chương trình tín dụng trọng điểm, hỗ trợ tích cực cho phát triển phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Huy động vốn trên địa bàn đến 15/10/2019 đạt 22.305 tỷ đồng, tăng 9,41% (+1.919 tỷ đồng) so với cuối năm 2018; Tổng dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đạt 34.455 tỷ đồng, tăng 9,81% (+3.077 tỷ đồng); Nợ xấu là 397 tỷ đồng, chiếm 1,15% tổng dư nợ. Các chương trình tín dụng ưu đãi do Ngân hàng chính sách xã hội triển khai đã đóng góp tích cực, hiệu quả cho công tác xóa đói giảm nghèo của tỉnh với tổng dư nợ cho vay đến 30/9/2019 là 2.574 tỷ đồng, tăng 6% (145 tỷ đồng) so với năm 2018.

#### 1.4. Thu chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từ đầu năm đến ngày 31/10/2019 đạt 2.538,851 tỷ đồng, đạt 88% dự toán và tăng 20% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: thu nội địa 2.143,423 tỷ đồng, bằng 83% dự toán và tăng 16%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 382,148 tỷ đồng, bằng 116% dự toán và tăng 64%. Dự kiến năm 2019, thu ngân sách trên địa bàn đạt 3.012,633 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ.

---

<sup>2</sup> Kế hoạch năm 2019: Tốc độ tăng trưởng kinh tế là 7,5-8% so với năm 2018, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4-4,5%, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 10,5-11%, khu vực dịch vụ tăng 7,5-8%; GRDP bình quân đầu người là 47-49 triệu đồng/năm.

<sup>3</sup> Ước tính chỉ số giá vàng bình quân năm 2019 tăng 6,5%; chỉ số giá đô la Mỹ bình quân tăng 1,2% so với bình quân năm 2018.

Tổng chi ngân sách địa phương từ đầu năm đến 31/10/2019 đạt 6.050,273 tỷ đồng, đạt 77% dự toán và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: chi đầu tư phát triển 755,285 tỷ đồng, bằng 68% dự toán và tăng 22%; chi thường xuyên 3.537,409 tỷ đồng, bằng 76% dự toán và tăng 3% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2019, tổng chi ngân sách địa phương đạt 9.505,925 tỷ đồng, đạt 120% dự toán và tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

### 1.5. Đầu tư

Với quyết tâm “tăng tốc để về đích”, phân đấu hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI và thiết thực kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh, ngay từ đầu năm, lãnh đạo tỉnh và cả hệ thống chính trị đã quyết liệt triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp về vận động, thu hút đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, động viên, khích lệ và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục đầu tư, khởi công và đưa vào hoạt động rất nhiều dự án đầu tư thuộc nhiều lĩnh vực. Đến nay, trong kế hoạch 30 dự án dự kiến khởi công và khánh thành kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh (với tổng vốn đầu tư là 111.320 tỷ đồng), đã có 18 dự án khởi công, với tổng vốn đầu tư 69.697 tỷ đồng (chiếm 60% số dự án và 62% số vốn); tổng giá trị giải ngân đạt 2.405 tỷ đồng, dự kiến đến hết năm 2019, giải ngân đạt 3.717 tỷ đồng; Có 8 dự án đã khánh thành đi vào hoạt động; Có 4 dự án đang hoàn thành thủ tục để chuẩn bị khởi công trong năm 2019, với tổng vốn đầu tư 29.973 tỷ đồng, trong đó có một số dự án có TMĐT lớn nằm trong KKT như: Cảng Mỹ Thủy, Nhà máy sản xuất Inox và thép hợp kim, Bến cảng CFG...; Có 01 dự án ở trong KKT Đông Nam TMĐT 11.650 tỷ đồng (Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thái Bình Xanh) có khả năng không hoàn thành kịp thủ tục để tổ chức khởi công trong năm 2019 do dự án đến nay chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư. Như vậy, dự kiến đến hết năm 2019 có 29/30 dự án khởi công, với tổng vốn đầu tư 99.670 tỷ đồng, tổng giá trị giải ngân ước đạt gần 5.662 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong năm 2019, trong các Khu công nghiệp, khu kinh tế còn khởi công 05 dự án với tổng vốn đầu tư 238 tỷ đồng; ngoài các Khu công nghiệp, khu kinh tế khởi công 07 dự án có quy mô tương đối với tổng vốn đầu tư 545 tỷ đồng.

Trong 10 tháng đầu năm 2019, tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư 66 dự án với tổng vốn đầu tư 39.054 tỷ đồng. Dự kiến đến hết năm 2019 cấp chủ trương cho khoảng 80 dự án, với tổng số vốn 41.500 tỷ đồng, ... Trong năm 2019 đã có 8 dự án lớn được khánh thành đi vào hoạt động (như nhà máy điện gió Hương Linh 1, Thủy điện ĐaKrông 4, nhà máy chế biến cát thạch anh và nhà máy sản xuất tấm calcium silicate, nhà máy sản xuất viên nén gỗ Tân Kỳ ...) với tổng mức đầu tư 5.120 tỷ đồng

Trong năm, có 01 dự án ODA được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng vốn đầu tư: 151,155 tỷ đồng. Ước thực hiện và giải ngân các dự án ODA đạt 527,645 tỷ đồng, bằng 100% so với kế hoạch. Tỉnh đã vận động 29 khoản viện trợ NGO với tổng giá trị vốn cam kết là 5,45 triệu USD; vốn giải ngân các dự án NGO năm 2019 ước đạt 16,25 triệu USD.

Trong 11 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh có 01 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp Quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Tổng chi ngân sách địa phương từ đầu năm đến 31/10/2019 đạt 6.050,273 tỷ đồng, đạt 77% dự toán và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: chi đầu tư phát triển 755,285 tỷ đồng, bằng 68% dự toán và tăng 22%; chi thường xuyên 3.537,409 tỷ đồng, bằng 76% dự toán và tăng 3% so với cùng kỳ. Dự kiến năm 2019, tổng chi ngân sách địa phương đạt 9.505,925 tỷ đồng, đạt 120% dự toán và tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

### 1.5. Đầu tư

Với quyết tâm “tăng tốc để về đích”, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI và thiết thực kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh, ngay từ đầu năm, lãnh đạo tỉnh và cả hệ thống chính trị đã quyết liệt triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp về vận động, thu hút đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, động viên, khích lệ và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục đầu tư, khởi công và đưa vào hoạt động rất nhiều dự án đầu tư thuộc nhiều lĩnh vực. Đến nay, trong kế hoạch 30 dự án dự kiến khởi công kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh (với tổng vốn đầu tư là 111.320 tỷ đồng), đã có 18 dự án thực hiện, với tổng vốn đầu tư 69.697 tỷ đồng (chiếm 60% số dự án và 62% số vốn); tổng giá trị giải ngân đạt 2.405 tỷ đồng, dự kiến đến hết năm 2019, giải ngân đạt 3.717 tỷ đồng; Có 11 dự án đang hoàn thành các thủ tục để chuẩn bị khởi công trong năm 2019, với tổng vốn đầu tư 29.973 tỷ đồng, trong đó có một số dự án có TMĐT lớn nằm trong KKT như: Cảng Mỹ Thủy, Nhà máy sản xuất Inox và thép hợp kim, Bến cảng CFG...; Có 01 dự án ở trong KKT Đông Nam TMĐT 11.650 tỷ đồng (Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thái Bình Xanh) có khả năng không hoàn thành kịp thủ tục để tổ chức khởi công trong năm 2019 do dự án đến nay chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư. Như vậy, dự kiến đến hết năm 2019 có 29/30 dự án khởi công, với tổng vốn đầu tư 99.670 tỷ đồng, tổng giá trị giải ngân ước đạt gần 5.662 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong năm 2019, trong các Khu công nghiệp, khu kinh tế còn khởi công 05 dự án với tổng vốn đầu tư 238 tỷ đồng; ngoài các Khu công nghiệp, khu kinh tế khởi công 07 dự án có quy mô tương đối với tổng vốn đầu tư 545 tỷ đồng.

Trong 10 tháng đầu năm 2019, tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư 66 dự án với tổng vốn đầu tư 39.054 tỷ đồng. Dự kiến đến hết năm 2019 cấp chủ trương cho khoảng 80 dự án, với tổng số vốn 41.500 tỷ đồng, ... Trong năm 2019 đã có 8 dự án lớn được khánh thành đi vào hoạt động (như nhà máy điện gió Hương Linh 1, Thủy điện ĐaKrông 4, nhà máy chế biến cát thạch anh và nhà máy sản xuất tấm calcium silicate, nhà máy sản xuất viên nén gỗ Tân Kỳ ...) với tổng mức đầu tư 5.120 tỷ đồng

Trong năm, có 01 dự án ODA được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng vốn đầu tư: 151,155 tỷ đồng. Ước thực hiện và giải ngân các dự án ODA đạt 527,645 tỷ đồng, bằng 100% so với kế hoạch. Tỉnh đã vận động 29 khoản viện trợ NGO với tổng giá trị vốn cam kết là 5,45 triệu USD; vốn giải ngân các dự án NGO năm 2019 ước đạt 16,25 triệu USD.

Trong 11 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh có 01 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp Quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

ngành công nghiệp năng lượng tái tạo<sup>6</sup>. Các doanh nghiệp công nghiệp phát triển cả về quy mô, số lượng, góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn giữ được vai trò chủ chốt đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của ngành công nghiệp. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2019 ước tính tăng 10,25%, cao hơn so với cùng kỳ năm 2018.

Các mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cơ khí, sửa chữa nhỏ và làng nghề được chú trọng phát triển. Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 48 làng nghề đang hoạt động, trong đó có 15 làng có nghề truyền thống, còn lại là các làng có nghề mới. Một số làng nghề đang phát triển tốt như làm nước mắm, nấu rượu, thêu ren, nấu cao dược liệu... Công tác khuyến công cũng như việc khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào quá trình sản xuất, kinh doanh được đẩy mạnh.

Năm 2019 là năm hoạt động đầu tư diễn ra sôi động trên địa bàn tỉnh với rất nhiều dự án đầu tư có quy mô lớn từ nguồn vốn ngoài nhà nước được triển khai thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, nhất là lĩnh vực công nghiệp năng lượng. Bên cạnh đó, nhiều dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cũng được thực hiện; hoạt động đầu tư xây dựng từ khu vực dân cư có nhiều khởi sắc. Giá trị sản xuất xây dựng năm 2019 (giá hiện hành) ước tính đạt 12.381 tỷ đồng.

### *3.2. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản*

Nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đã được tỉnh quan tâm tổ chức thực hiện có chiều sâu, chất lượng và hiệu quả. Nhiều giải pháp kỹ thuật mới, phát triển nông nghiệp công nghệ cao được áp dụng. Tỉnh đã chú trọng tăng cường xúc tiến, kêu gọi các doanh nghiệp liên kết sản xuất, ký hợp đồng thu mua nông sản cho nông dân, tổ chức lại sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch.

Năng suất của hầu hết các loại cây trồng đều tăng và bằng với mức tăng cùng kỳ năm 2018; đặc biệt, năng suất lúa vụ Đông Xuân năm 2018-2019 đạt 58,4 tạ/ha, cao nhất từ trước đến nay và tăng 0,1 tạ/ha so với vụ Đông Xuân năm 2017-2018. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 28,6 vạn tấn, vượt 10% kế hoạch đề ra. Diện tích các loại cây dài ngày được duy trì ổn định tuy năng suất, sản lượng một số loại cây chủ yếu có giảm nhẹ với cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích cây lâu năm toàn tỉnh hiện có 33.924 ha, tăng 0,19% so với cùng kỳ năm trước.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng tập trung gắn với an toàn sinh học và vệ sinh môi trường. Số lượng trang trại và gia trại chăn nuôi tăng mạnh, trong đó có nhiều trang trại được phát triển theo mô hình liên kết hoặc được cấp giấy chứng nhận VietGap tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực

---

<sup>6</sup>Đến nay, toàn tỉnh có 14 dự án thủy điện nhỏ được quy hoạch với tổng công suất 176,5MW, trong đó đã có 7 dự án đã đưa vào vận hành; có 7 dự án điện gió đã và đang chuẩn bị đưa vào hoạt động với tổng công suất 218MW; 06 dự án điện mặt trời với tổng công suất 354,3MW, trong đó có 01 dự án với công suất 59,6MW đã đưa vào vận hành. Bên cạnh đó còn có 28 dự án điện gió với tổng công suất 1.441,2MW và 01 dự án nhiệt điện với công suất 1.320MW chuẩn bị được triển khai.

phẩm<sup>7</sup>. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước tính đạt 40.375,7 tấn, tăng 0,39% so với năm trước; tuy nhiên, thịt lợn hơi giảm 7,45% do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi.

Lâm nghiệp từng bước phát huy lợi thế, trồng rừng kinh tế phát triển mạnh, đem lại hiệu quả cao. Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 9.320 ha, tăng 4,59% so với năm trước; sản lượng gỗ khai thác đạt 945.000 m<sup>3</sup>, tăng 14,81%; tỷ lệ che phủ rừng được giữ ổn định trên 50%.

UBND tỉnh đã tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại ngành thủy sản và triển khai mạnh mẽ các chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Quyết định 48/2010/QĐ-TTg. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 3.450 ha, tăng 1,1% so với năm trước; tổng sản lượng thủy sản ước đạt 35.250 tấn, vượt kế hoạch đề ra và tăng 9,42% so với năm trước.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Dự kiến năm 2019 có thêm từ 6-8 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đưa tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 58-60 xã (chiếm tỷ lệ từ 49,5-51,2%) và Cam Lộ trở thành huyện đạt chuẩn nông thôn mới đầu tiên của tỉnh.

### 3.3. Thương mại - dịch vụ

Thị trường bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng khá sôi động. Việc tổ chức thành công nhiều sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng trên địa bàn tỉnh đã thu hút được lượng khách khá lớn. Thị trường nội địa tiếp tục được chú trọng phát triển với nhiều giải pháp thiết thực và hiệu quả gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Giá cả ổn định, hàng hoá đa dạng, nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 30.065,4 tỷ đồng, tăng 10,65% so với năm trước. Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục phát triển, kim ngạch xuất khẩu năm 2019 đạt 357 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 222 triệu USD.

Cơ sở hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện, số lượng và chất lượng phương tiện vận tải được nâng lên, nhiều tuyến vận tải mới được đưa vào hoạt động nên doanh thu vận tải năm 2019 ước đạt 1.510,91 tỷ đồng, tăng 10,89% so với năm trước; số lượt hành khách vận chuyển ước đạt 7.789,2 nghìn HK, tăng 3,91%; khối lượng hàng hoá vận chuyển ước đạt 9.698,9 nghìn tấn, tăng 5,6%.

Du lịch được quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến, kêu gọi đầu tư. Một số sản phẩm du lịch mới được hình thành; kết cấu hạ tầng và hệ thống các cơ sở kinh doanh du lịch phát triển khá nhanh, số lượt khách do các cơ sở lưu trú và cơ sở lữ hành phục vụ tăng khá. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính đạt 3.135,3 tỷ đồng, tăng 11,70%; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 35,2 tỷ đồng, tăng 11,39% so với năm trước.

---

<sup>7</sup> Đến nay toàn tỉnh có trên 78 trang trại chăn nuôi; trong đó có 4 HTX chăn nuôi, 48 trang trại chăn nuôi liên kết, 03 trang trại chăn nuôi đã được cấp giấy chứng nhận VietGap tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm.

Hạ tầng bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, sinh hoạt của người dân và nhiệm vụ chính trị của tỉnh<sup>8</sup>. Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác, bao gồm dịch vụ bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin ước đạt 1.462,6 tỷ đồng, tăng 8,55%.

#### **4. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp**

##### *4.1. Xúc tiến đầu tư đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh*

Nhiệm vụ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tiếp tục được lãnh đạo tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo<sup>9</sup>. UBND tỉnh định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại, duy trì mô hình cà phê doanh nhân, bám sát cơ sở để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; các hồ sơ thủ tục đều được thực hiện theo quy trình tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Tổ chức các hoạt động Hội thảo cho đại diện các Sở, ngành và hơn 300 doanh nghiệp về ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý doanh nghiệp, tập huấn, đào tạo các kiến thức về quản trị kinh doanh, kế toán cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2019, Lãnh đạo tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh. Công tác thu hút đầu tư được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao chất lượng đã mang lại một số kết quả tích cực. Từ đầu năm đến nay, UBND tỉnh đã làm việc với 30 lượt đoàn doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước<sup>10</sup> đến nghiên cứu, tìm hiểu cơ hội đầu tư vào một số lĩnh vực như: hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế; công nghiệp năng lượng; bất động sản... Tỉnh cũng đã triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư thông qua các hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế như: Gặp gỡ Nhật Bản, Gặp gỡ Hoa Kỳ, Gặp gỡ vùng Kansai (Nhật Bản) với các tỉnh miền Trung Việt Nam...

Hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài và hợp tác với các tổ chức quốc tế để quảng bá, xúc tiến đầu tư có nhiều chuyên biến và đạt được một số kết quả cụ thể như: Đàm phán, ký kết biên bản ghi nhớ với Công ty Gazprom International thuộc tập đoàn Gazprom (Nga) về phối hợp triển khai dự án Nhà máy điện khí Quảng Trị 340 KW; tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ; Khảo sát, nghiên cứu triển khai chương trình nuôi tôm giống tại

---

<sup>8</sup>Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 178 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính. Tổng số trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là: 2.310 trạm. Toàn tỉnh có 631.154 thuê bao điện thoại, tăng 0,94% so với cùng thời điểm năm trước, Số thuê bao Internet hiện có là 79.275 thuê bao, tăng 8,63% so với cùng thời điểm năm trước.

<sup>9</sup>Như Ban hành Kế hoạch hành động số 391/KH-UBND ngày 25/01/2019 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng năm 2021; Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 28/1/2019 về việc thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 thành lập Trung tâm nghiên cứu xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Quảng Trị; Phối hợp VCCI Việt Nam tổ chức Hội thảo cho đại diện các Sở, ngành và hơn 300 doanh nghiệp về Ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý doanh nghiệp; bố trí ngân sách tỉnh thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp; chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh

<sup>10</sup> Chủ yếu từ Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Singapore, Hà Lan, Mỹ, Liên bang Nga...

Đài Loan (Trung Quốc); kết nối giữa chính quyền và doanh nghiệp của tỉnh Quảng Trị với thành phố Nijmegen (Hà Lan).

#### *4.2. Tình hình phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể*

Trong năm 2019, số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp trở lại hoạt động tăng, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh giảm. Trong 10 tháng năm 2019, có 327 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký hơn 9.058 tỷ đồng, tăng 9 % về số doanh nghiệp và tăng 338% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018; dự báo cả năm 2019 có 380 doanh nghiệp thành lập mới, đạt 100% kế hoạch đề ra.

Ban Chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp tỉnh đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện đổi mới doanh nghiệp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện cổ phần hóa của các công ty theo đúng lộ trình tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, có 03 công ty cổ phần đã thoái hết 100% vốn Nhà nước không nắm giữ cổ phần; có 01 công ty cổ phần Nhà nước giữ dưới 50% vốn điều lệ; 3 công ty cổ phần Nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ. Các doanh nghiệp được cổ phần hóa đang tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước theo đúng lộ trình Chính phủ quy định. Các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý sau khi thực hiện cổ phần hóa đã phát huy hiệu quả tích cực, có một số doanh nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao. Nhiều DNNN của tỉnh đã đứng vững trên thị trường, bảo đảm sản xuất, cung ứng các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ công ích thiết yếu phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

Khu vực kinh tế tập thể tiếp tục có sự chuyển biến tích cực. Tỉnh đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, đề án, hoạt động nhằm thúc đẩy phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả khu vực kinh tế tập thể<sup>11</sup>. Đến nay toàn tỉnh có 322 HTX, 01 Liên hiệp HTX hoạt động theo Luật HTX 2012 với 95.000 thành viên. Doanh thu bình quân 998 triệu đồng/HTX, lợi nhuận bình quân 114 triệu đồng/HTX, tỷ suất lãi (lãi/vốn) của HTX đạt từ 8-12%/năm.

## **II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI**

### **1. Giáo dục - Đào tạo**

Tỉnh đã tập trung chỉ đạo tiếp tục triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Mạng lưới trường, lớp ở các cấp học và bậc học được quan tâm đầu tư<sup>12</sup>. Phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì vững chắc. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được đẩy mạnh;

---

<sup>11</sup> Tổ chức Hội nghị tổng kết Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, tổng kết 5 năm thực hiện quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 và xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025.

<sup>12</sup>Đầu năm học 2019-2020, giáo dục phổ thông toàn tỉnh có 227 trường học, giảm 18 trường so với năm học trước (Tiểu học 69 trường, giảm 17 trường; THCS 45 trường, giảm 15 trường; PTCS 81 trường, tăng 14 trường; THPT 24 trường, giảm 01 trường; TH 6 trường, tăng 01 trường; Phổ thông 01 trường và Liên cấp 01 trường).



toàn tỉnh hiện có 195/411 trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia (chiếm tỷ lệ 47,5%). Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn có nhiều tiến bộ, tỷ lệ bỏ học giảm so với cùng kỳ. Nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi văn hóa.

Triển khai thực hiện nhiều giải pháp thiết thực và hiệu quả từng bước khắc phục tình trạng bỏ học ở một số địa phương, đặc biệt là vùng miền núi<sup>13</sup>. Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu chất lượng đã đề ra trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo<sup>14</sup>. Công tác rà soát, sắp xếp lại các đơn vị trường học đảm bảo đúng lộ trình và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; đã sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, giảm 94 trường học, giảm 95 cấp trường và 29 cấp phó. Thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân mở các nhóm lớp độc lập tự thực và cơ sở giáo dục ngoài công lập đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của con em. Thực hiện kịp thời, đúng quy định các chế độ, chính sách đối với giáo viên, đặc biệt là giáo viên vùng khó. Giáo viên mầm non ngoài biên chế được hưởng lương theo Nghị quyết 3.5 của HĐND tỉnh đã được tuyển dụng vào biên chế. Tổ chức tốt kỳ thi khảo sát năng lực giáo viên ở tất cả các cấp học với kết quả đạt được rất cao.

## 2. Công tác Y tế và Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của nhân dân được quan tâm; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được chú trọng đầu tư; đội ngũ cán bộ được nâng cao chất lượng; mạng lưới y tế được củng cố và phát triển<sup>15</sup>. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn 13,5%. Hoạt động y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm được chủ động triển khai có hiệu quả, không có trường hợp tử vong do bệnh truyền nhiễm gây ra. Công tác phòng, chống HIV/AIDS được đẩy mạnh. Công tác thông tin, truyền thông, thanh tra, kiểm tra về an toàn vệ sinh thực phẩm được đặc biệt chú trọng, toàn tỉnh không có vụ ngộ độc thực phẩm lớn nào xảy ra. Năm 2019, toàn tỉnh có thêm 03 xã đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, đưa tỷ lệ đạt chuẩn lên 98,58%.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Công tác truyền thông, giáo dục và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản được tăng cường. Tỷ suất sinh giảm < 0,23‰, đạt kế hoạch đề ra.

---

<sup>13</sup>Phân công giáo viên bám địa bàn kèm cặp, giúp đỡ học sinh; phối hợp với chính quyền, các tổ chức đoàn thể địa phương, huy động các nguồn lực để hỗ trợ động viên phụ huynh và học sinh vượt qua khó khăn để trở lại lớp học.

<sup>14</sup>Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đi học ước đạt trên 97% (KH 97%), tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc tiểu học đạt 99,8% (KH 99,8%); THCS 96% (KH 96%); hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

<sup>15</sup>Đến nay toàn tỉnh có 162 cơ sở y tế (20 Bệnh viện và Phòng khám đa khoa khu vực; 141 trạm y tế xã, phường, thị trấn; 01 cơ sở y tế khác); có 2.025 giường bệnh (không kể trạm xá), bằng năm trước

### 3. Lao động - Thương binh và Xã hội

Công tác giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn tỉnh được chú trọng. Tuyển sinh đào tạo giáo dục nghề nghiệp ước đạt 14.500 lao động, vượt kế hoạch đề ra; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%, vượt kế hoạch đề ra; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 42,38%, hoàn thành kế hoạch, trong đó, lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt trên 30%.

UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp về giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, dạy nghề, giảm nghèo. Đã tổ chức 24 phiên giao dịch việc làm<sup>16</sup>; từ đầu năm đến 20/10/2019, toàn tỉnh có 11.500 lượt lao động được tạo việc làm mới; ước cả năm 2019 giải quyết việc làm mới cho khoảng 13.500 lượt lao động, vượt kế hoạch đề ra.

Công tác bảo trợ xã hội và chính sách thương binh, liệt sĩ, người có công tiếp tục được đặc biệt quan tâm chăm lo. Công tác cứu trợ gạo được thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, đúng định mức quy định, giúp người nghèo vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống. Tính nay, toàn tỉnh có 35.165 đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” tiếp tục duy trì và hoạt động có hiệu quả.

Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tiếp tục được triển khai thực hiện có hiệu quả; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 9,68% (16.723 hộ nghèo) cuối năm 2018 xuống còn 8,03% (13.998 hộ nghèo) cuối năm 2019 (giảm 1,65%). Tỷ lệ hộ nghèo của huyện nghèo Đakrông giảm từ 39,72% (4.028 hộ nghèo) cuối năm 2018 xuống còn 34,71% (3.522 hộ nghèo) cuối năm 2019 (giảm 5,01%).

### 4. Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tỉnh đã tổ chức tốt nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước<sup>17</sup>. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với “Cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được đẩy mạnh theo hướng có chiều sâu, chất lượng<sup>18</sup>.

Thể thao quần chúng được chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động<sup>19</sup>. Công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học có nhiều tiến bộ<sup>20</sup>. Công tác xã

---

<sup>16</sup>Bao gồm: 18 phiên định kỳ tại Trung tâm; 4 phiên tại Sàn giao dịch việc làm vệ tinh Hướng Hóa và 01 phiên giao dịch việc làm lưu động.

<sup>17</sup>Trong đó tập trung trọng điểm vào dịp kỷ niệm 89 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, mừng Xuân Kỷ Hợi - 2019; Kỷ niệm 44 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 47 năm giải phóng tỉnh Quảng Trị; đặc biệt tổ chức các hoạt động kỷ niệm 30 năm ngày lập lại tỉnh Quảng Trị có chiều sâu và thành công tốt đẹp, được dư luận đánh giá cao

<sup>18</sup>Đến nay, toàn tỉnh có 152.904 gia đình được công nhận gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 90,9%; 1.043 làng, bản, khu phố được công nhận văn hóa, đạt tỷ lệ 96,4%; Có 57117 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 58/117 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 104/141 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa- trung tâm thể thao, đạt tỷ lệ 73,7%; 998/1082 làng, bản, khu phố có nhà văn hóa, khu thể thao, đạt tỷ lệ 92,5 %.

<sup>19</sup>Tỷ lệ người tập TDTT thường xuyên đạt 31,5%; tỉ lệ gia đình thể thao đạt 26,2%; có 780 câu lạc bộ và điểm tập TDTT, có 02 liên đoàn và hiệp hội.

<sup>20</sup>100% các trường THCS, THPT tổ chức giảng dạy nội khoá, 100% số trường tổ chức giảng dạy ngoại khoá có nề nếp...

hội hóa thể dục, thể thao tiếp tục được đẩy mạnh, thiết chế thể dục thể thao tại cơ sở được quan tâm đầu tư<sup>21</sup>. Thể thao thành tích cao được quan tâm<sup>22</sup>. Tổ chức thành công nhiều giải thể thao<sup>23</sup>.

Tổ chức triển khai đồng bộ nhiều giải pháp phát triển du lịch của tỉnh. Tiếp tục rà soát, bổ sung Quy hoạch phát triển các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Hoạt động kinh doanh du lịch phát triển. Tổng lượng khách đến tham quan lưu trú ở Quảng Trị ước đạt 2.085.000 lượt, tăng 11,4 %.

## 5. Thông tin - truyền thông

UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, bưu chính, viễn thông và CNTT. Tập trung vào công tác thông tin, tuyên truyền; vận hành tốt mạng lưới thông tin, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Hạ tầng bưu chính phát triển ổn định; hạ tầng viễn thông được nâng cấp, mở rộng và nâng cao chất lượng.

Đã chú trọng đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNTT góp phần thúc đẩy công tác cải cách và hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh với các phần mềm một cửa điện tử, dịch vụ công; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Cổng thông tin doanh nghiệp nhỏ và vừa Quảng Trị; xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Công tác quản lý báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại được tăng cường, hoạt động theo đúng định hướng của Đảng và quy định của pháp luật; thông tin, tuyên truyền kịp thời, có chiều sâu về những sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh<sup>24</sup>.

Hoạt động khai thác mạng lưới, vận chuyển trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát ổn định. Hệ thống viễn thông đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân và phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh cũng như công tác phòng chống lụt, bão.

## 6. Công tác dân tộc và miền núi

Tình hình kinh tế và đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng miền núi ổn định, có những mặt được cải thiện, không còn tình trạng thiếu ăn trong kỳ giáp hạt. Các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn quan tâm thực hiện tốt các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

---

<sup>21</sup> Toàn tỉnh hiện có 02 nhà thi đấu thể thao cấp tỉnh, 4 nhà thi đấu cấp huyện, thị, thành phố có quy mô từ 1.000 - 2.000 chỗ ngồi, 04 sân vận động có khán đài, 200 sân điền kinh, 282 sân bóng đá, 423 sân bóng chuyền, 35 sân quần vợt, 12 bể bơi, 07 nhà tập cầu lông, 08 nhà tập bóng bàn và 335 sân tập các môn thể thao khác; 14 nhà tập luyện và thi đấu TDTT ở các Sở, ban, ngành, 09 nhà tập luyện TDTT ở các trường THPT...

<sup>22</sup> Các lớp năng khiếu, đội tuyển tỉnh và đội tuyển trẻ duy trì tập luyện và thi đấu thường xuyên theo kế hoạch. Tổng số VĐV được đào tạo tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh là 92 VĐV, gồm: 25 VĐV đội tuyển tỉnh, 22 VĐV đội tuyển trẻ và 45 VĐV năng khiếu. Sáu tháng đầu năm 2019, các đội tuyển đã tham gia thi đấu 08 giải thể thao toàn quốc, đạt 23 huy chương các loại, gồm: 04 HCV, 07 HCB và 12 HCD.

<sup>23</sup> Như: Giải Bóng đá nam U11 Cúp QRTV Quảng Trị lần thứ V- năm 2019; Giải Quần vợt tỉnh Quảng Trị năm 2019; Giải Bóng đá 5 người báo Quảng Trị, giải đua thuyền toàn quốc,...

<sup>24</sup> Chất lượng hoạt động của Đài PTTH tỉnh không ngừng được cải thiện và nâng cao; Báo Quảng Trị phát hành trên 260 kỳ ấn phẩm chính với 3.600 bản/kỳ; phát hành hơn 10 kỳ ấn phẩm phụ với 3.600 bản/kỳ.

Các chương trình, chính sách, dự án đầu tư cho vùng miền núi được thực hiện đầy đủ, kịp thời, phát huy được hiệu quả. Kinh tế miền núi tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, hiệu quả, tạo thêm nhiều việc làm, tăng cường bảo vệ rừng, môi trường sinh thái, từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá để thoát đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu. Công tác tuyên truyền vận động, phổ biến các chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số luôn được chú trọng. Tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; không có các vụ khiếu kiện tập thể và tranh chấp đất đai nội vùng đồng bào DTTS. Hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn diễn ra theo đúng quy định pháp luật. Tình hình an ninh biên giới được giữ vững.

## 7. Khoa học và Công nghệ

Hoạt động khoa học - công nghệ tiếp tục có những chuyển biến tích cực, hiệu quả; nhiều đề tài, dự án có địa chỉ ứng dụng cụ thể. Năm 2019, đã triển khai 07 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh<sup>25</sup>; phê duyệt 04 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh<sup>26</sup> về nông nghiệp, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; quản lý nhà nước về an toàn bức xạ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng được nâng cao, đóng góp tích cực vào nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, chống gian lận trong thương mại, chống sản xuất và tiêu thụ hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được tăng cường; đã hướng dẫn cho 10 tổ chức, cá nhân tiến hành thủ tục đăng ký nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ, đề xuất Cục Sở hữu trí tuệ cho phép sử dụng tên địa danh để xác lập các nhãn hiệu tập thể<sup>27</sup>,...

## III. TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG

Công tác quản lý tài nguyên, đất đai, khoáng sản được tăng cường. UBND tỉnh đã chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường, kiên quyết dừng chủ trương đầu tư đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Huy động nhiều nguồn vốn để từng bước đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các cơ sở sản xuất công nghiệp.

Công tác giao đất, cho thuê đất, đo đạc, lập bản đồ địa chính được triển khai thực hiện nghiêm túc và đồng bộ. Các cơ quan chuyên môn, UBND các huyện,

---

<sup>25</sup> Đề tài Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các điệu hò trên đất Quảng Trị; Đề tài Nghiên cứu xây dựng mô hình kết nối cung - cầu hàng hóa hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế; Đề tài Ứng dụng kỹ thuật lấy huyết khối động mạch não trực tiếp dưới máy X-quang số hóa xóa nền (DSA) ở bệnh nhân nhồi máu não cấp tại bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị; Đề tài Đánh giá nhu cầu thị trường lao động và xây dựng chiến lược phát triển hệ thống đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2025; Đề tài Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây vùng đen và chế biến đóng chai thành các sản phẩm từ hạt vùng đen; Đề tài Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN trong nuôi cá chình lồng tại Quảng Trị; Đề tài Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

<sup>26</sup> Đề tài Nghiên cứu sản xuất và thương mại hóa sản phẩm Trà thảo dược hòa tan Giảo Cổ Lam từ nguồn nguyên liệu tự nhiên trên đảo Côn Cỏ; Đề tài Nghiên cứu xây dựng mô hình kết nối cung - cầu hàng hóa hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế; Đề tài Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây vùng đen (mè đen) và chế biến đóng chai thành các sản phẩm từ hạt vùng đen, thích ứng với biến đổi khí hậu; Đề tài Đánh giá nhu cầu thị trường lao động và đề xuất các giải pháp về đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

<sup>27</sup> Nón lá Bó Liêu, Dưa hấu Long Quang, Bột sắn dây Vĩnh Linh; Mứt gừng Mỹ Chánh; Bánh lọc Mỹ Chánh; Nước mắm Cửa Tùng; Chối dốt Văn Phong; Rượu làng truyền thống Kim Long; Tinh bột sắn dây Cam Lộ; Đậu xanh Ba Lòng...

thị xã, thành phố thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên khoáng sản theo tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 86-KL/TU ngày 05/7/2018 và ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 234/HĐND-KTNS ngày 22/8/2018.

Nhiều hoạt động thiết thực hưởng ứng ngày môi trường thế giới và chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2019 được tỉnh tổ chức thực hiện, đặc biệt là khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh bằng các hành động cụ thể với phương châm hiệu quả, thiết thực, đảm bảo phong trào được duy trì thường xuyên, tạo bước chuyển biến mới trong công tác bảo vệ môi trường<sup>28</sup>...

Tiếp nhận và xử lý kịp thời các hồ sơ thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Công tác kê khai, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được tăng cường. Tổ chức kiểm tra, xử lý các tổ chức sử dụng đất không đúng tiến độ hoặc sử dụng sai mục đích; kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường.

Các chỉ tiêu về lĩnh vực môi trường được thực hiện hoàn thành theo đúng kế hoạch đề ra<sup>29</sup>.

#### **IV. QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI**

Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường. Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được triển khai kịp thời, đảm bảo đúng kế hoạch. Hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ huyện đảo Côn Cỏ và huyện Triệu Phong, diễn tập phòng cháy chữa cháy. Chủ động ngăn chặn mọi âm mưu hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; bảo đảm an ninh trên mặt trận kinh tế, chính trị, văn hóa, đối ngoại. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả. Công tác bảo đảm an toàn giao thông được tăng cường, tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí: số vụ tai nạn, số người chết và số người bị thương<sup>30</sup>. Các lực lượng vũ trang đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng, các ngày lễ, Tết trên địa bàn tỉnh.

Nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu được duy trì nghiêm túc, các lực lượng vũ trang đã phối hợp với chính quyền cơ sở nắm chắc tình hình biên giới, nội địa, tuyến biển đảo; hoàn thành tốt nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, lãnh hải. Hoạt động giao lưu, phối hợp, hiệp đồng chiến đấu với lực lượng vũ trang bạn được tổ chức thường xuyên; góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị và phát triển.

---

<sup>28</sup> Tổ chức hưởng ứng: Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2019 với các hoạt động điểm quy mô cấp tỉnh tại xã Hải Vĩnh; Giờ Trái đất... Thực hiện các chuyên mục tài nguyên môi trường trên Đại PTTH tỉnh.

<sup>29</sup> Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom đạt 99%; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 94,5%; tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch đạt 94,5%.

<sup>30</sup> Từ 16/12/2018 đến 15/10/2019, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 129 vụ tai nạn giao thông, làm chết 97 người, bị thương 90 người; so với cùng kỳ năm trước số vụ giảm 20,4% (-33 vụ), số người chết giảm 7,6% (-08 người), số người bị thương giảm 22,4% (-26 người).

Hoạt động đối ngoại tiếp tục đạt được những kết quả đáng ghi nhận. UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành và địa phương triển khai hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 25/7/2017 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế gắn với thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Hoạt động xúc tiến đầu tư FDI được tăng cường với việc ký kết 05 Biên bản ghi nhớ (MOU) với các nhà đầu tư nước ngoài mở ra khả năng triển khai các dự án đầu tư trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

## **V. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC; GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO**

Nhiệm vụ cải cách hành chính được tỉnh đặc biệt chú trọng góp phần đáng kể vào việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành rất nhiều văn bản lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện với quyết tâm tạo sự chuyển biến có tính đột phá trong lĩnh vực này. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực được rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Việc giải quyết thủ tục hành chính nhanh hơn, đảm bảo công khai, minh bạch. Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công PAPI, năm 2018 tỉnh Quảng Trị xếp thứ 6/63 tỉnh, thành trong cả nước.

Công tác cải cách bộ máy hành chính có nhiều chuyển biến tích cực, tiếp tục được thực hiện theo hướng dẫn của các Bộ, Ngành Trung ương và Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, thôn, khu phố; cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW/ ngày 25/10/2017<sup>31</sup> và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017<sup>32</sup>. Tỉnh đã thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 2083/KH-UBND ngày 09/6/2015 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế từ năm 2015 đến năm 2021 và các Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021. Trong năm 2019, các cơ quan, đơn vị đã rà soát, tăng cường việc thực hiện tinh giản biên chế tại các cơ quan, đơn vị theo Đề án được phê duyệt.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý được chú trọng nâng cao về chất lượng, hiệu quả. Chú trọng việc giáo dục, rèn

---

<sup>31</sup> Đến nay, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp của 16 sở, ban, ngành. Qua sắp xếp, từ 133 phòng chuyên môn, xuống còn 114 phòng, giảm 19 phòng, chiếm 13,28% so với tổng số phòng chuyên môn cấp tỉnh; từ 16 ban, chi cục, còn 13 ban, chi cục, giảm 03 chi cục, chiếm 18,80% so với tổng số ban, chi cục. So với hiện có, giảm được 19 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc Sở, lãnh đạo chi cục (12 cấp trưởng, 07 cấp phó), 12 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc chi cục.

<sup>32</sup> Qua sắp xếp, từ 133 phòng chuyên môn, xuống còn 114 phòng, giảm 19 phòng, chiếm 13,28% so với tổng số phòng chuyên môn cấp tỉnh; từ 16 ban, chi cục, còn 13 ban, chi cục, giảm 03 chi cục, chiếm 18,80% so với tổng số ban, chi cục. So với hiện có, giảm được 19 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc Sở, lãnh đạo chi cục (12 cấp trưởng, 07 cấp phó), 12 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc chi cục

luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền tư pháp thật sự trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý và phục vụ nhân dân.

Công tác thanh tra và phòng chống tham nhũng được triển khai thực hiện đồng bộ theo đúng kế hoạch, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và giữ vững kỷ cương nhà nước. Công tác tiếp công dân được lãnh đạo chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng giải quyết từ cơ sở. Công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng tiếp tục được nâng cao chất lượng và hiệu quả.

## **VI. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ:**

### **1. Khó khăn, hạn chế:**

Tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2019 của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn còn nhiều khó khăn, khả năng cạnh tranh sản phẩm trên thị trường còn hạn chế.

Thời tiết không thuận lợi, nắng nóng và hạn hán kéo dài; một số dịch bệnh xảy ra, nhất là dịch tả lợn châu Phi đã làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Các mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô còn nhỏ và chậm được nhân rộng. Sản xuất hàng hóa còn manh mún, phân tán, ảnh hưởng đến việc tổ chức liên kết, hình thành chuỗi giá trị để nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm và thu nhập của người dân.

Công tác tuyển sinh hệ trung cấp tại các trường nghề còn gặp nhiều khó khăn; tâm lý nặng về giáo dục đại học, xem nhẹ học nghề còn phổ biến. Công tác giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa thu được kết quả như mong muốn.

Tỷ lệ nợ thuế còn cao do một số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thua lỗ phải giải thể; thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất, cấp quyền khai thác khoáng sản còn chậm do các dự án vướng mắc trong quá trình thực hiện giải phóng, bàn giao mặt bằng; ...

Công tác xúc tiến, vận động, thu hút đầu tư mặc dù được đẩy mạnh nhưng kết quả mang lại chưa tương xứng. Đã có nhiều nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước đến Quảng Trị tìm hiểu cơ hội đầu tư nhưng vẫn chưa có thêm dự án FDI nào được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Các dự án NGO được vận động và thực hiện tuy nhiều nhưng quy mô nhỏ, thời gian thực hiện ngắn, khả năng ứng dụng, chuyển giao và nhân rộng mô hình của dự án còn hạn chế.

Công tác giải phóng mặt bằng ở một số địa phương thực hiện chậm, thiếu quyết liệt, không đảm bảo tiến độ bàn giao cho nhà đầu tư, ảnh hưởng đến việc triển khai các dự án đầu tư.

Tình hình tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp, nhất là tội phạm liên quan đến ma túy.

## 2. Nguyên nhân

### 2.1. Nguyên nhân khách quan

Năm 2019, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng; giá vàng tăng cao, giá dầu thô biến động mạnh tạo áp lực lớn cho điều hành chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, ảnh hưởng lớn đến kết quả thực hiện các mục tiêu kinh tế của các địa phương.

Việc triển khai thực hiện một số chương trình, dự án trọng điểm mang tính đột phá tuy đạt một số kết quả nhưng nhìn chung còn chậm, mức độ hoàn thành chưa cao. Việc triển khai thực hiện các công trình đầu tư từ ngân sách nhà nước có quy mô lớn gặp nhiều vướng mắc và giải ngân chậm, nhất là các dự án ODA.

Trong giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã có sự điều chỉnh lớn về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực ODA. Theo đó, tỷ lệ hỗ trợ vốn đối ứng đối với các dự án khởi công mới từ nguồn NSTW từ 90% đã giảm xuống còn 80%, đồng nghĩa với việc nguồn vốn NSDP phải cân đối để gánh thêm 10% đối ứng so với giai đoạn trước. Một số dự án ODA thiếu vốn đối ứng nên ảnh hưởng rất nhiều đến tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn nước ngoài.

### 2.2. Nguyên nhân chủ quan

Một số ngành, địa phương chậm đề ra kế hoạch và giải pháp cụ thể, căn cơ để giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra; chậm đề xuất để tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách nhằm tạo sức bật mới, nhất là trong các lĩnh vực có tính chất phức tạp, đặc thù; chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nội bộ một số ngành, lĩnh vực, nhất là những vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước được phân công, về cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; năng lực thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế; thiếu sự mạnh mẽ và quyết liệt trong tổ chức thực hiện...

Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư tuy đã được đổi mới, thực hiện quyết liệt với nhiều nỗ lực nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Chủ trương xã hội hóa trong thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển thực hiện còn hạn chế.

Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa thể hiện tinh thần hành động và quyết tâm phấn đấu vì mục tiêu chung. Chính sách thu hút cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi về công tác trong lĩnh vực y tế của tỉnh thực hiện chưa hiệu quả. Công tác quản lý trong lĩnh vực giáo dục còn nhiều bất cập. Công tác quảng bá, thu hút, liên kết tạo đầu ra về việc làm cho học viên trong đào tạo nghề còn hạn chế. Các Trung tâm dạy nghề đang thực hiện sáp nhập đã ảnh hưởng một phần đến hoạt động tuyển sinh, đào tạo nghề.

Năng lực sản xuất kinh doanh, năng lực quản trị của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.



**Phần thứ hai**  
**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2020**

Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch 5 năm 2016-2020, cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, hướng tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Dự báo tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2020 tiếp tục được cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát. Môi trường đầu tư kinh doanh và hội nhập kinh tế ngày càng tốt hơn sẽ thúc đẩy đầu tư từ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân phát triển. Những giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp sẽ tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng mạnh hơn. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Bên cạnh những thuận lợi và cơ hội phát triển, nền kinh tế đất nước và của tỉnh sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc. Thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường. Nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng an ninh, ứng phó với biến đổi khí hậu rất lớn nhưng nguồn lực còn hạn hẹp... sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 và 5 năm 2016-2020. Bối cảnh đó đang đặt ra cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn tỉnh phải tiếp tục nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao nhất để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn 2016-2020, tạo đà phát triển vững chắc cho giai đoạn tiếp theo.

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Mục tiêu tổng quát:**

Thực hiện hiệu quả, thực chất hơn việc cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh; quyết tâm thực hiện hoàn thành các công trình trọng điểm và các dự án khởi công kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh; phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP đạt khoảng 8-8,5%. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng bộ máy liêm chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

**2. Phương châm chỉ đạo - Chủ đề năm 2020: *Hành động quyết liệt, về đích toàn diện, tạo đà bứt phá***

**3. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

### **3.1. Các chỉ tiêu kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (theo GRDP) đạt từ 8-8,5% so với năm 2019, trong đó: nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4-4,5%; công nghiệp - xây dựng tăng 10-11%; dịch vụ tăng 7,5-8%.

- GRDP bình quân đầu người đạt từ 53-55 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 25.000-28.000 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 3.280 tỷ đồng, tăng 13,1% so với dự toán năm 2019; trong đó: thu nội địa 2.830 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 450 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương: 9.363,128 tỷ đồng.

- Sản lượng lương thực có hạt 26 vạn tấn.

- Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày 230 ha (trong đó: cà phê: 150 ha, cao su: 50 ha; hồ tiêu: 30 ha)

- Trồng mới rừng tập trung: 6.000 ha, cây phân tán đạt 2,5 triệu cây.

- Tổng sản lượng thủy sản đạt 37.000 tấn.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới là 54,7% -56,4% (có thêm 6-8 xã đạt chuẩn nông thôn mới).

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 33.500 tỷ đồng.

- Số doanh nghiệp thành lập mới: 400 doanh nghiệp.

### **3.2. Các chỉ tiêu xã hội:**

- Giữ vững chuẩn phổ cập THCS tại 100% xã, phường, thị trấn; phần đầu tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 96%, tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc tiểu học đạt 99,9% và THCS đạt 95%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65-70%, trong đó qua đào tạo nghề 50-55% và có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32%.

- Tạo việc làm mới cho trên 11.000 lao động, trong đó có trên 1.200 lao động xuất khẩu.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 96%.

- Mức giảm tỷ suất sinh trên 0,3‰, duy trì tỷ lệ tăng dân số dưới 1%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh 1,5-2%, trong đó đối với huyện nghèo và các xã nghèo giảm trên 4%.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể cân nặng/tuổi xuống dưới 12%.

### **3.3. Các chỉ tiêu môi trường:**

- Duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng trên 50%

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%.

- Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch đạt 95%.
- Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom đạt 99%.

## II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

### 1. Quán triệt và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ và có kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được BCH Đảng bộ tỉnh xác định trong nửa cuối nhiệm kỳ 2016-2020

Năm 2020 là năm có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, vì vậy, các Sở, Ban ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thành phố, thị xã tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Chương trình hành động số 26-CTHĐ/TU ngày 15/ 6/2016 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI; Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh thực hiện Kết luận số 88-KL/TU ngày 19/7/2018 của Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI trong nửa đầu nhiệm kỳ 2015-2020; các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình hành động, Kế hoạch hành động và Đề án cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

Trong bối cảnh các 05 chỉ tiêu kinh tế còn đạt thấp so với kế hoạch đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI. Các Sở, Ngành và địa phương chủ động tập trung rà soát, kiểm điểm, đánh giá để xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để triển khai thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương mình quản lý với tinh thần trách nhiệm và ý chí quyết tâm và sự nỗ lực cao nhất để thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

### 2. Tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp điều hành của Chính phủ về tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển

Chấp hành chủ trương của Chính phủ về điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng; chính sách tỷ giá linh hoạt, phù hợp với diễn biến của thị trường.

Tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và hộ dân trong tiếp cận các nguồn vốn vay, nhất là đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu<sup>33</sup>. Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục triển khai cho vay các chương trình tín dụng cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định.

<sup>33</sup>Triển khai tốt Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính phủ về chính sách phục vụ nông nghiệp; Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay

Tích cực tìm các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất, nuôi dưỡng và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đối tượng nộp thuế. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành các công trình, dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được bố trí vốn trong giai đoạn 2016-2020. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng của khu kinh tế Đông Nam; Tập trung tối đa, lồng ghép nguồn vốn ngân sách Trung ương và địa phương, vốn ODA để đầu tư, hoàn thiện các hạ tầng tại khu kinh tế Đông Nam như: Trục đường trung tâm khu kinh tế, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp nước sạch và các hạ tầng thiết yếu khác.

### **3. Đẩy mạnh việc thực hiện tái cơ cấu lại nền kinh tế một cách đồng bộ, toàn diện, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với tăng chất lượng, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động**

Ưu tiên tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo và nguồn lực đầu tư để thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế theo Chương trình hành động số 57-CTHĐ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy và Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ (Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh):

#### *3.1. Về nông lâm, nghiệp, thủy sản*

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại nền nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

Đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng nâng cao giá trị hàng hoá, đảm bảo an ninh lương thực, hình thành các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với xây dựng cánh đồng lớn. Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động gắn với điều chỉnh quy hoạch sản xuất để phát triển cây công nghiệp dài ngày chủ lực của tỉnh, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, quy mô trang trại, gia trại tập trung gắn với an toàn sinh học và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả.

Tiếp tục rà soát, chuyển đổi đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất. Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng đến tận hộ nông dân để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc rừng. Khai thác gỗ rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ một cách hợp lý và bền vững.

Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mạnh, chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh và an toàn môi trường nuôi thủy sản. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số

48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ, về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa; Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế", chương trình phát triển thủy sản bền vững.

### *3.2. Về công nghiệp - xây dựng*

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, đề án tái cơ cấu ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị<sup>34</sup>; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế như: năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến gỗ và nông, lâm, thủy hải sản; công nghiệp siliccat, các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động.

Huy động mọi nguồn vốn đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp, đặc biệt là thu hút các dự án động lực vào Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị. Tăng cường thu hút đầu tư vào phát triển các ngành nghề mới và công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và từng bước cải tiến, đổi mới công nghệ các cơ sở hiện có đảm bảo phát triển ngành công nghiệp hiện đại và bền vững. Tích cực kêu gọi đầu tư các dự án dệt may vào các khu, cụm công nghiệp phát triển ngành dệt may. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nhiều dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp.

Quyết tâm thực hiện hoàn thành các công trình, dự án khởi công nhân kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh. Triển khai thực hiện các dự án động lực, các chương trình trọng điểm đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.

### *3.3. Về thương mại - dịch vụ*

Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án về phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh<sup>35</sup>. Rà soát, định hướng phát triển một số sản phẩm chủ lực của địa phương, thí điểm xây dựng sản phẩm địa phương mang thương hiệu quốc gia. Huy động các nguồn lực tập trung đầu tư hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, cửa hàng xăng dầu), đầu tư phát triển dịch vụ phụ trợ liên quan đến quá trình phân

---

<sup>34</sup>Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2018-2022; Chương trình Khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020; Đề án củng cố, khôi phục và phát triển làng nghề, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Đề án phát triển ngành cơ khí trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020; Chương trình hành động số 131-CTHĐ/TH ngày 24/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 6000/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 131-CTHĐ/TH ngày 24/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

<sup>35</sup>Đề án "Phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030"; Đề án "Phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017- 2020, định hướng đến năm 2025"; Đề án phát triển dịch vụ logistics; Đề án "Mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm"; Kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020

phôi hàng hoá. Khuyến khích đầu tư xây mới một số trung tâm thương mại theo quy hoạch, phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân và du khách.

Thực hiện có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại; đẩy mạnh công tác kết nối giao thương, xuất khẩu hàng hóa, phát triển thương mại điện tử; thực hiện liên kết, hợp tác tìm kiếm thị trường nội địa để tiêu thụ các mặt hàng thế mạnh của tỉnh; thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tăng cường thu hút đầu tư các trung tâm dịch vụ logistic, các tổng kho trên tuyến hành kinh tế Đông Tây phục vụ lưu thông hàng hóa hai chiều giữa các nước ASEAN.

#### **4. Tiếp tục tổ chức thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020**

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 395/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 26/02/2018 về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 93-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoàn thành xây dựng Quy hoạch tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút và tạo nguồn nhân lực có chất lượng của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013 - 2020 và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút và tạo nguồn nhân lực có chất lượng của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013 -2020. Xây dựng chính sách cụ thể khuyến khích, thu hút giáo viên dạy nghề và chính sách trợ cấp phù hợp để thu hút cán bộ chuyên môn giỏi nhằm đáp ứng nhu cầu tái cơ cấu nền kinh tế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65-70%, trong đó qua đào tạo nghề 55% và có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32%.

Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong nước, trong tỉnh. Xã hội hóa đầu tư trong một số lĩnh vực dịch vụ công. Áp dụng hình thức đối tác công tư (PPP) trong thực hiện các chương trình, dự án, đặc biệt là các dự án có quy mô lớn. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng. Tiếp tục thực hiện xã hội hóa đầu tư một số bến xe, cảng, chợ, cơ sở y tế, trường học... để huy động nguồn vốn từ khu vực kinh tế tư nhân. Tập trung tháo gỡ khó khăn để đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào tỉnh. Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương để vận động và triển khai thực hiện các dự án ODA và nguồn vốn do các bộ, ngành Trung ương quản lý để đầu tư xây dựng các dự án quan trọng của tỉnh. Phấn đấu triển khai một số dự án động lực đã được xác định, nhất là tại KKT Đông Nam để thúc đẩy tăng trưởng, góp phần tăng tổng vốn đầu tư toàn xã hội và thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

## **5. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp**

Thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 391/CTHĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Nghị quyết 139/NQ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 2992/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp; Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh về quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018; Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018-2021.

Phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm vào các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu dịch vụ du lịch của tỉnh theo đúng quy hoạch đặc biệt là Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các nhà đầu tư tổ chức triển khai thực hiện các dự án đúng tiến độ, nhất là các dự án đã được UBND tỉnh đưa vào kế hoạch tổ chức khởi công chào mừng kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh Quảng Trị.

Định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại giữa UBND tỉnh với doanh nghiệp, đối thoại chuyên đề như: Tài nguyên môi trường, thuế, bảo hiểm...nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; duy trì có hiệu quả mô hình cà phê doanh nhân.

Đẩy nhanh đề án xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chính thống, kịp thời cập nhật, công khai minh bạch và nâng cao chất lượng trang thông tin điện tử của tỉnh, các Sở ban ngành và địa phương; xây dựng, vận hành hiệu quả trang, cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp; chia sẻ thông tin hỗ trợ doanh nghiệp trên các mạng xã hội.

Chỉ đạo các ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức hội nghị quán triệt đến toàn bộ cán bộ công chức về những phản ánh và những kiến nghị của doanh nghiệp; đồng thời, chấn chỉnh thái độ phục vụ doanh nghiệp đến toàn bộ công chức, viên chức ngành mình. Tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác tham vấn Doanh nghiệp, tạo điều kiện doanh nghiệp tham gia vào góp ý chính sách, pháp luật có liên quan tại tỉnh.

## **6. Khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hợp lý, đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển kinh tế xanh và bền vững**

Tổ chức phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2019. Ban hành bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024). Triển khai động bộ, thống nhất công tác

cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai, hồ sơ địa chính trên hệ thống cơ sở dữ liệu đã xây dựng. Giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch; quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên đất, rừng, nước, khoáng sản. Tăng cường phát triển rừng đầu nguồn; bảo vệ môi trường nguồn nước. Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh và tính tiền cấp khai thác khoáng sản theo quy định. Đẩy mạnh việc kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, thăm dò, khai thác khoáng sản.

Nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình phòng tránh, năng lực phòng tránh và khắc phục hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng kế hoạch chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, các phương án phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

Tiếp tục triển khai các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường trên Đài PT-TH, Báo Quảng Trị theo kế hoạch. Xây dựng Kế hoạch chi tiết tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn. Phê duyệt các hồ sơ môi trường, hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường xây dựng nông thôn mới. Xây dựng Đề án bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường theo ý kiến, kiến nghị của cử tri; giám sát các sự cố môi trường; xác nhận hoàn thành xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Tiếp tục theo dõi và triển khai các nhiệm vụ liên quan đến sự cố môi trường biển. Theo dõi, giám sát quan trắc tài nguyên và môi trường.

## **7. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.**

### *7.1. Về đời sống dân cư, lao động, việc làm, xoá đói giảm nghèo, bảo vệ và chăm sóc trẻ em*

Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm, tổ chức hiệu quả các sản phẩm dịch vụ việc làm. Tập trung chỉ đạo hoàn thành việc chi trả cho các đối tượng bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển. Phối hợp trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Quan tâm công tác giải quyết việc làm cho lao động miền núi, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 14/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách; tiếp tục rà soát, giải quyết hiệu quả chính sách hỗ trợ người có công, bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Tập trung làm quyết liệt hơn nữa công tác giảm nghèo; ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách đối với đồng bào vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi; chú trọng đề ra các giải pháp cụ thể để hỗ trợ hộ nghèo



thuộc diện chính sách người có công; nhân rộng các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong giảm nghèo ở các địa phương.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới và các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; các Chương trình, Đề án về bình đẳng giới; các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

### *7.2. Công tác dân số, y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Tích cực triển khai các Nghị quyết Trung ương về công tác y tế, dân số; Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới; Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

Chủ động phòng chống dịch bệnh, tăng cường các hoạt động nâng cao sức khỏe, đẩy mạnh hoạt động cung ứng dịch vụ tầm soát, phát hiện sớm bệnh tật. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm quá tải bệnh viện.

Đẩy mạnh các giải pháp để bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động truyền thông, quản lý dân số, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình. Mở rộng mô hình xây dựng Làng không có người sinh con thứ 3 trở lên. Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh trên 0,3‰ và đạt tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%. Ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư và tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác dân số ở các vùng có mức sinh cao, vùng miền núi, vùng biển và ven biển.

### *7.3. Về giáo dục và đào tạo*

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 95-CTHĐ/TU của Tỉnh ủy về thực hiện NQ số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo. Đổi mới công tác quản lý giáo dục và đào tạo, khắc phục những hạn chế, bất cập trong dạy và học, thi cử; tăng cường an ninh, an toàn trong trường học; xây dựng văn hóa học đường và môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục. Củng cố, duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập THCS, tiếp tục thực hiện phổ cập THPT. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở các cấp học và bậc học, đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo. Phát triển mạng lưới trường lớp trên cơ sở cơ cấu các cấp học có tính chất đồng bộ, phân bố cân đối, hợp lý theo địa bàn. Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo trình độ chuyên môn, kỹ thuật. Xây dựng một xã hội hướng tới học tập thường xuyên, với các hình thức giáo dục đa dạng nhằm trang bị tri thức và các kỹ năng tiếp cận với cái mới.

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị trường học phục vụ học tập và giảng dạy. Tiếp tục thực hiện kiên cố hóa trường học, sửa chữa, nâng cấp trường lớp, phòng học, xây dựng các phòng chức năng cần thiết; xây dựng cảnh quan trường học.

#### *7.4. Về văn hoá - Thể thao - Du lịch*

Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, nhất là trong các dịp tổ chức các sự kiện quan trọng của tỉnh, nhất là kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng, 75 năm thành lập Nước, 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hoá; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh" và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, giáo dục xây dựng và gìn giữ văn hóa trong nhân dân. Phát triển phong trào thể dục, thể thao và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp.

Triển khai tích cực, hiệu quả Chương trình hành động số 83-CTHĐ/TU ngày 25/7/2017 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Các thoả thuận về hợp tác phát triển Du lịch các địa phương trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây. Tập trung quảng bá và khai thác các loại hình du lịch hoài niệm, sinh thái biển; Khẩn trương hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu du lịch biển gắn với tăng cường thu hút đầu tư phát triển du lịch; Tổ chức các dịch vụ hỗ trợ khu liên kết Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, dịch vụ du lịch bên ngoài Thành cổ Quảng Trị, hoàn thành hồ sơ trình UNESCO công nhận Địa đạo Vịnh Mốc là di sản văn hóa thế giới.

#### *7.5. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo theo đúng đường lối của Đảng.*

Tiếp tục quan tâm chăm lo và triển khai thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các Chương trình, đề án của Chính phủ và chính sách của địa phương đối với vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện bảo đảm cho các hoạt động tôn giáo phát triển theo đúng quy định pháp luật.

#### **8. Về phát triển khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu**

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ phục vụ có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế- xã hội. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, các tiến bộ kỹ thuật canh tác, cải tạo đất phục vụ yêu cầu của sản xuất và đời sống. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; theo dõi ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh và các doanh nghiệp xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo yêu cầu; xây dựng và phát triển các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, đặc biệt là dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới, đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường. Xử lý nghiêm cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng; kiểm soát chặt chẽ cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện nghiêm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng tiết kiệm năng lượng. Tích tụ, tập trung đất đai phục vụ thu hút đầu tư vào sản xuất nông nghiệp. Theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn, đặc biệt là hạn hán. Chủ động phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

**9. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.**

Thực hiện tốt Luật Phòng, chống tham nhũng và Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020. Thực hiện nghiêm việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 4. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực và xử lý nghiêm các vi phạm. Kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng "tham nhũng vặt", những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực và trên toàn xã hội; trước hết là trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

**10. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; thực hiện tốt đề án xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp**

Kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; Triển khai các nhiệm vụ đề ra trong Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã, thôn, bản, khu phố; Thực hiện Đề án chuyển đổi vị trí công tác và Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh giai đoạn 2016-2030".

Xây dựng Chính phủ điện tử theo tinh thần Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ. Đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2005; rà soát, công bố thủ tục hành chính và xây dựng quy trình giải quyết

ISO TCVN 9001:2015, tăng cường tiếp nhận và giao trả trực tuyến thủ tục hành chính mức độ 3 và mức độ 4, tạo lập hồ sơ, tài khoản trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

## **11. Tăng cường quốc phòng, an ninh**

Quán triệt sâu sắc đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng trong tình hình mới. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Tỉnh ủy về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiếp tục củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia; Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp. Chủ động chuẩn bị lực lượng, hậu cần và các kế hoạch tác chiến cụ thể. Tích cực phối hợp với các cấp chính quyền địa phương giúp dân phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt; tìm kiếm cứu nạn. Xây dựng cơ sở xã, phường, thị trấn cụm an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu và an ninh trật tự ngày càng vững chắc. Hoàn thành việc đưa công an chính quy đảm nhận chức danh, nhiệm vụ công an xã. Nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng trị an cơ sở như công an viên, bảo vệ dân phố, dân quân tự vệ, dự bị động viên, thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Thực hiện tốt chương trình hợp tác giữa lực lượng vũ trang Quảng Trị với lực lượng vũ trang các tỉnh bạn Lào có chung đường biên giới nhằm đảm bảo an ninh quốc gia, phòng chống tội phạm.

Tạo chuyển biến tích cực, rõ nét về trật tự, an toàn xã hội; từng bước đẩy lùi, làm giảm các điều kiện nảy sinh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật; tập trung đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm hình sự liên quan đến "tín dụng đen", cho vay lãi nặng, tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao...; giảm thiểu tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông; tăng cường công tác phòng, chống cháy nổ.

## **12. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế**

Tiếp tục triển khai đường lối đối ngoại của Đại hội lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để tập trung phát triển kinh tế. Triển khai Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 25/07/2017 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh Hội nhập kinh tế quốc tế gắn với thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của BCH Trung ương Đảng khóa XII.

Tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác, đầu tư giữa tỉnh Quảng Trị với tỉnh Savannakhet và Salavan/Lào; Đẩy mạnh

hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị với các tỉnh trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây; Tăng cường phát triển quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế, trong đó ưu tiên đẩy mạnh quan hệ với các nước Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản và Thái Lan. Tăng cường công tác tham mưu và công tác quản lý nhà nước về đối ngoại; thúc đẩy hội nhập quốc tế và đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, nâng cao năng lực quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) và vận động viện trợ PCPNN. Tăng cường thúc đẩy ngoại giao văn hóa; công tác quản lý nhà nước về biên giới và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại.

### **13. Tăng cường hoạt động thông tin, truyền thông**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả. Triển khai thực hiện dự án Chính quyền điện tử; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020 và Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng; đề án phát triển Đài PTTH tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020 và triển khai Đề án số hóa truyền hình mặt đất đến năm 2020; Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Đa dạng hóa hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm tạo chuyển biến trong nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật. Đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, thông tin xấu, độc, lợi dụng mạng xã hội.

Trên đây là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh năm 2019 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2020, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- VPCP, VPQH, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- T.vụ TU, TT/HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT, các UV UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể;
- VP HĐND tỉnh;
- Chánh, PVP, CV;

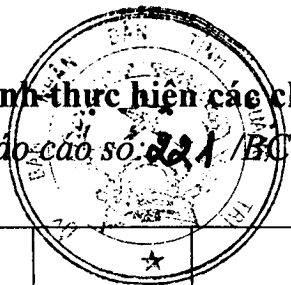
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chính**

**PHỤ LỤC 1**

**Tình hình thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2019**  
 (Kèm theo Báo cáo số ~~221~~ /BC-UBND ngày ~~20~~ 20/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị)



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		So sánh TH/KH năm 2019	Kế hoạch 2020	Ước thực hiện nhiệm kỳ 2016-2020	Mục tiêu NQ ĐH Đảng lần thứ XVI	So sánh với Mục tiêu NQ ĐH Đảng lần thứ XVI
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm					
1	2	3	4	5.1	5.2	6	7	8	9	10
<b>I</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>									
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế; Trong đó:	%	7,12	7,5-8	7,52	Đạt	8-8,5	7,21	7,5-8	Không đạt
-	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	%	9,14	10,5-11	11,82	Vượt	10-11	10,89	10,5 - 11	Đạt
-	<i>Dịch vụ</i>	%	6,77	7,5-8	7	Không đạt	7,5-8	7,08	8,5 - 9	Không đạt
-	<i>Nông - lâm - ngư nghiệp</i>	%	5,56	4-4,5	4	Đạt	4-4,5	3,9	3,5 - 4	Đạt
2	GDP bình quân đầu người (Giá HH)	Triệu đồng	43,6	47-49	48,1	Đạt	53-55	53	Tăng gấp 2 lần năm 2015	Không đạt
3	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	14.000	18.000-20.000	18.000	Đạt	25.000-28.000	76.873,20	100.000	Không đạt
4	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Trong đó:	Tỷ đồng	2.726	2.900	3.012,63	Vượt	3.280	13.434	18.000-19.000	Không đạt

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		So sánh TH/KH năm 2019	Kế hoạch 2020	Ước thực hiện nhiệm kỳ 2016-2020	Mục tiêu NQ ĐH Đảng lần thứ XVI	So sánh với Mục tiêu NQ ĐH Đảng lần thứ XVI
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm					
-	Thu nội địa			2.570	2.612,63		450			
-	Thu xuất nhập khẩu			330	400		2.830			
5	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	8.317	7.906	9.505,92	Đạt	9.363,128			
6	Sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	28,9	26	28,6	Vượt	26			
7	Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày	Ha	569	550	550	Đạt	230			
8	Trồng mới rừng tập trung	Ha	8.911	6.000	9.320	Vượt	6.000			
9	Sản lượng thủy hải sản	Tấn	32.216	32.700	35.250	Vượt	37.000			
10	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	%	44,4	47,8- 49,5	49,6- 51,3	Vượt	54,7- 56,4	54,7- 56,4	40 - 50	Vượt
11	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	27.172	29.900	30.065	Vượt	33.500			
<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI</b>									
12	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	96	97	97	Đạt	96			
13	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc tiểu học	%	99,8	99,8	99,8	Đạt	99,9			
14	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc THCS	%	95	96	96	Đạt	95			

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		So sánh TH/KH năm 2019	Kế hoạch 2020	Ước thực hiện nhiệm kỳ 2016-2020	Mục tiêu NQ ĐH Đảng lần thứ XVI	So sánh với Mục tiêu NQ ĐH Đảng lần thứ XVI
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm					
15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo; trong đó:	%	54,4	59,73	60	Đạt	65-70	65,88	65 - 70	Đạt
-	Tỷ lệ qua đào tạo nghề	%	39	42	42,38	Đạt	55	46,51	28	Vượt
-	Tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ	%	29	30	30	Đạt	32			
16	Tạo việc làm mới	Lao động	11.318	10.500	13.500	Vượt	11.000	59.200	47.500	Vượt
17	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	93,76	94	95,5	Vượt	>96	95,5	>80	Vượt
18	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	<0,3	< 0,3	0,23	Vượt	<3			
19	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,75	1,5-2	1,65	Đạt	1,5-2	1,8	1,5 - 2	Đạt
20	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể cân nặng/tuổi	%	13,9	< 13,3	13,3	Đạt	<12			
<b>III</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG</b>									
21	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	50	50	50	Đạt	50	50	49,5	Đạt
22	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93,44	92,83	94,5	Vượt	95	95	95	Đạt
23	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%	91,5	93,5	94,5	Đạt	95	94	93	Đạt



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		So sánh TH/KH năm 2019	Kế hoạch 2020	Ước thực hiện nhiệm kỳ 2016-2020	Mục tiêu NQ ĐH Đảng lần thứ XVI	So sánh với Mục tiêu NQ ĐH Đảng lần thứ XVI
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm					
24	Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom	%	99	99	99	Đạt	99			